

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST
Ngày: 10/5/2023
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **ÂU THỊ THẢO**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN VĂN NHU**

2. Ông **LÝ MINH HÙNG**

- Thư ký phiên tòa: Ông **BÙI QUỐC HIỂN** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **MAI THỊ ÚT** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLST-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51A/2023/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG V N

Địa chỉ trụ sở chính: 108 Trần Hưng Đ, quận Hoàn K, thành phố Hà N

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông **Trần Minh B** – Chủ tịch Hội đồng quản trị V Bank

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh B là:

- Ông **Lê Việt T**, sinh năm 1976. Chức vụ: Phó Giám đốc VietinBank Chi nhánh Tiền Giang, theo văn bản ủy quyền số 1401/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị VietinBank (vắng mặt)

Địa chỉ: số 15B Nam Kỳ Khởi Ngh, phường 4, thành phố Mỹ Th, tỉnh Tiền G

- Bà **Nguyễn Thị Hương L**, sinh năm 1978. Chức vụ: Phó phòng bán lẻ - NHCT Việt Nam – Chi nhánh Tiền G (có mặt)

- Ông **Đỗ Hồng Th**. Chức vụ: Phó trưởng Văn phòng đại diện NHCT Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh (vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Minh Nhật Ph**, sinh năm 1988. Chức vụ: Chuyên viên pháp chế - Văn phòng đại diện NHCT Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Bị đơn: HỘ KINH DOANH VÕ VĂN M

Đại diện theo pháp luật là ông **VÕ VĂN M**, sinh năm 1967 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

NGUYỄN THỊ CH, sinh năm 1958 (có mặt)

VÕ THỊ MỸ D, sinh năm 1987 (vắng mặt)

VÕ HOÀNG G, sinh năm 1989 (vắng mặt)

VÕ NGỌC HUYỀN V, sinh năm 1993 (vắng mặt)

VÕ THỊ D, sinh năm 1991 (vắng mặt)

NGUYỄN VĂN L, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã Tân H, huyện Cái B, tỉnh Tiền G

3. Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh **TRƯƠNG TRẦN TH**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 254, khu phố 4, phường 9, thành phố Mỹ Th, tỉnh Tiền G

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai tại Toà, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương L trình bày:

- Căn cứ hợp đồng tín dụng số 18098/2018- HĐCV/NHCT760-VVM xác lập ngày 03/7/2018 và giấy nhận nợ số CIF: 2200268896 ngày 03/7/2018 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần công th V N – Chi nhánh Tiền Giang với ông Võ Văn Mum, theo đó ông M vay số tiền 2.200.000.000 đồng như sau:

+ Ngày vay: 03/7/2018

+ Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên

+ Phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng vào ngày 03 dương lịch, gốc trả theo lịch trả nợ quy định tại phụ lục 01 hợp đồng cho vay từng lần số 18098/2018-HĐCV/NHCT760-VVM ngày 03/7/2018 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo

+ Lãi suất cho vay: 10.5%/năm, điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng

+ Mục đích vay: Bù đắp chi phí mua phương tiện thủy nội địa sà lan TG 13935

- Căn cứ hợp đồng tín dụng số 108CT/2018-HĐCV/NHCT760 xác lập ngày 05/10/2018 giấy nhận nợ số 01/2018 ngày 05/10/2018 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần công thương V N – Chi nhánh Tiền Giang với ông Võ Văn M, theo đó ông Mum vay số tiền 650.000.000 đồng như sau:

+ Ngày vay: 05/10/2018

+ Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên

+ Phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng vào ngày 17 dương lịch, gốc trả theo lịch trả nợ quy định tại phụ lục 01 hợp đồng cho vay từng lần số 108CT/2018-HĐCV/NHCT760 ngày 05/10/2018 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo

- + Lãi suất cho vay: 11.5%/năm, điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng
- + Mục đích vay: Bù đắp chi phí mua phương tiện thủy nội địa sà lan TG 14239
- Căn cứ hợp đồng tín dụng số 211CN/2021-HĐCVHM/NHCT760 xác lập ngày 31/8/2021, giấy nhận nợ số 02 ngày 15/10/2021, giấy nhận nợ số 03 ngày 21/01/2022, giấy nhận nợ số 04 ngày 09/03/2022 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần công thương V N – Chi nhánh T G với ông Võ Văn M, theo đó ông M vay số tiền 2.150.000.000 đồng như sau:

- + Ngày vay: 31/8/2021

- + Thời hạn vay của khoản vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng/GNN

- + Phương thức trả nợ: theo phương thức trả nổi và xác định 01 tháng một lần vào ngày 10 dương lịch. Lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ.

- + Lãi suất cho vay: 7%/năm

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng

Các tài sản bảo đảm ông M dùng để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ông Võ Văn M theo các hợp đồng thế chấp cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 015CN-B/HĐTC/NHCT760 ngày 17/01/2018 và được ký giữa hộ ông Võ Văn M với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền G. Tài sản thế chấp gồm có: Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 7, diện tích 1080.5m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp 2, xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M104240 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 1426 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp cho hộ ông Võ Văn M ngày 22/05/1999 (cập nhật thay đổi ngày 28/8/2017)

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 015CN-C/2018-HĐBĐ/NHCT760 ngày 20/8/2018 được ký giữa ông Võ Hoàng G, bà Võ Ngọc Huyền V với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt N – Chi nhánh Tiền Giang tài sản thế chấp gồm có: Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 3, diện tích 4438,8m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp 4, xã Tân Hưng, huyện Cái B, tỉnh Tiền G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 751342 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH01081 do Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp cho ông Võ Hoàng G ngày 27/08/2014.

- Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số 18098/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 03/7/2018 được ký giữa ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Ch với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt N – Chi nhánh Tiền Giang tài sản thế chấp gồm có: Sà lan TG 13935 trọng tải toàn phần 355,9 tấn, máy CUMMINS. 11411983. 350 CV theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 12785/ĐK do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Tiền G cấp cho ông Võ Văn M ngày 02/7/2018

- Hợp đồng thế chấp số 108CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 04/10/2018 được ký giữa ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Ch với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền G tài sản thế chấp gồm có: Sà lan TG 14239 trọng tải toàn phần 107,5 tấn, máy CUMMINS.6.517935. 140 CV theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 13059/ĐK do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Tiền G cấp cho ông Võ Văn M ngày 27/9/2018

- Hợp đồng thế chấp số 351CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 13/11/2018 được ký giữa ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị D với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang tài sản thế chấp gồm có: Sàn lan TG 14442 trọng tải toàn phần 76,8 tấn, máy ISUZU 6BD1 145 CV theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 13242/ĐK do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn L ngày 05/11/2018

Trong quá trình vay vốn ông M không thực hiện trả lãi, gốc đúng quy định tại các hợp đồng cho vay và các văn bản kèm theo của hợp đồng nêu trên cho khoản vay của các hợp đồng tín dụng nêu trên đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 13/4/2022. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông M và các bên bảo đảm thực hiện việc trả nợ nhưng bên vay vẫn không thực hiện.

Vào ngày 27/3/2023 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng số 108CT/2018-HĐCV/NHCT760 xác lập ngày 05/10/2018 giấy nhận nợ số 01/2018 ngày 05/10/2018 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần công thương V N – Chi nhánh Tiền Giang với ông Võ Văn M, theo đó ông M vay số tiền 650.000.000 đồng không yêu cầu ông M thực hiện việc trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên do ông M đã trả xong khoản nợ này cho nguyên đơn.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương V N yêu cầu giải quyết cụ thể:

Buộc ông Võ Văn M phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần công thương V N số tiền 822.535.216 đồng, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 18098/2018- HĐCV/NHCT760-VVM xác lập ngày 03/7/2018 và giấy nhận nợ số CIF: 2200268896 ngày 03/7/2018 trong đó số tiền nợ vay gốc là 715.850.000 đồng, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng là 106.685.216 đồng (lãi tính đến ngày 10/5/2023)

Buộc ông Võ Văn M phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt N số tiền 2.377.285.955 đồng, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 211CN/2021-HĐCVHM/NHCT760 xác lập ngày 31/8/2021, giấy nhận nợ số 02 ngày 15/10/2021, giấy nhận nợ số 03 ngày 21/01/2022, giấy nhận nợ số 04 ngày 09/03/2022 trong đó số tiền nợ vay gốc là 2.088.489.196 đồng, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng là 288.796.759 đồng (lãi tính đến ngày 10/5/2023). Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi của 02 hợp đồng là 3.199.821.171 đồng. Yêu cầu trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi suất trên phần nợ gốc theo hợp đồng các bên giao kết cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ. Trường hợp ông M không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý toàn bộ các phần tài sản mà ông M cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp nêu trên để đảm bảo thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Theo tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Tòa, bị đơn ông Võ Văn M trình bày:

Ông thống nhất với ngân hàng về việc ông có vay 03 hợp đồng tín dụng cụ thể là: Hợp đồng cho vay từng lần số 18098/2018-HĐCV/NHCT760-VVM ngày 03/7/2018 và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay kèm theo: số tiền vay 2.200.000.000 đồng; Hợp đồng cho vay từng lần số 108CT/2018-HĐCV/NhCT760 ngày 05/10/2018 và các văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay kèm theo với số

tiền cho vay là 650.000.000 đồng; Hợp đồng cho vay hạn mức số 211CN/2021-HĐCVHM/NHCT760 ngày 31/8/2021 và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay kèm theo với hạn mức cho vay là 2.150.000.000 đồng. Ông thống nhất với các số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày hôm nay của 03 hợp đồng mà ngân hàng trình bày là đúng. Ông xác định cũng có làm 05 hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng để vay 03 hợp đồng tín dụng nêu trên.

Nay ông không đồng ý trả số tiền nợ vay gốc và lãi của Hợp đồng cho vay từng lần số 18098/2018-HĐCV/NHCT760-VVM ngày 03/7/2018 và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay kèm theo: số tiền vay 2.200.000.000 đồng là vì ông đã trả rồi cho bà B và ông Th để mua chiếc sà lan của họ.

Đối với hợp đồng tín dụng số 108CT/2018-HĐCV/NHCT760 xác lập ngày 05/10/2018 giấy nhận nợ số 01/2018 ngày 05/10/2018 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền G với ông thì ông M xác định đã trả xong ngân hàng rút lại yêu cầu này thì ông không có ý kiến gì.

Đối với hợp đồng tín dụng Hợp đồng cho vay hạn mức số 211CN/2021-HĐCVHM/NHCT760 ngày 31/8/2021 thì ông cũng đồng ý trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi suất tạm tính đến ngày xét xử là 2.377.285.955 đồng nhưng ông xin trả dần cho Ngân hàng mỗi tháng 50.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nêu trên của hợp đồng này.

Nếu ông không thực hiện được việc trả nợ cho nguyên đơn thì ông cũng đồng ý để cho nguyên đơn xử lý tài sản bảo đảm cho việc thế chấp theo các hợp đồng thế chấp mà ông và những người liên quan đã ký kết với nguyên đơn.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch và chị Võ Thị D trình bày: Bà và chị Diễm thống nhất theo phần trình bày của ông M chỉ đồng ý trả cho ngân hàng số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 211CN/2021-HĐCVHM/NHCT760 ngày 31/8/2021 và không đồng ý trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 18098/2018-HĐCV/NHCT760-VVM ngày 03/7/2018. Bà Ch và chị D đồng ý theo yêu cầu phát mãi của ngân hàng nếu bà Ch, chị D, ông M không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Mỹ D; Võ Hoàng G; Võ Ngọc Huyền V, Nguyễn Văn L không có văn bản ý kiến và vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu nêu trên. Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày nêu trên. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch vẫn giữ nguyên ý kiến nêu trên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị D vắng mặt không lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 BLDS năm 2015 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Võ Văn M phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt N, chi nhánh Tiền Giang như sau: Trả nợ gốc của hợp đồng cho vay từng lần số 18098 ngày 03/7/2018 là 715.850.000 đồng và hợp đồng cho vay hạn mức số 211CN ngày 31/8/2021 là 2.088.489.196 đồng. Trả lãi phát sinh trong hạn quá hạn của hai hợp đồng nêu trên theo thỏa thuận của các

bên trong từng hợp đồng tín đến ngày xét xử. Sau khi án có hiệu lực pháp luật mà ông Mum không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan THADS có thẩm quyền cưỡng chế, phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị D; Võ Thị Mỹ D; Võ Hoàng G; Võ Ngọc Huyền V; Nguyễn Văn L vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần công thương V N và ông Võ Văn M là tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác định giữa Ngân hàng thương mại cổ phần công thương V N – Chi nhánh Tiền Giang và ông M có xác lập các hợp đồng tín dụng số 18098/2018- HĐCV/NHCT760-VVM xác lập ngày 03/7/2018 và giấy nhận nợ số CIF: 2200268896 ngày 03/7/2018 để vay số tiền là 2.200.000.000 đồng và hợp đồng tín dụng số 211CN/2021-HĐCVHM/NHCT760 xác lập ngày 31/8/2021, giấy nhận nợ số 02 ngày 15/10/2021, giấy nhận nợ số 03 ngày 21/01/2022, giấy nhận nợ số 04 ngày 09/03/2022 để vay số tiền là 2.150.000.000 đồng. Đồng thời ông M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ch, Võ Thị D; Võ Thị Mỹ D; Võ Hoàng G; Võ Ngọc Huyền V, Nguyễn Văn L có thể chấp các tài sản cho ngân hàng theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 015CN-B/HĐTC/NHCT760 ngày 17/01/2018 và được ký giữa hộ ông Võ Văn M với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 015CN-C/2018-HĐBĐ/NHCT760 ngày 20/8/2018 được ký giữa ông Võ Hoàng G, bà Võ Ngọc Huyền V với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang; Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số 18098/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 03/7/2018 được ký giữa ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Ch với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền G; Hợp đồng thế chấp số 108CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 04/10/2018 được ký giữa ông Võ Văn Mum và bà Nguyễn Thị Chia với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt N – Chi nhánh Tiền G; Hợp đồng thế chấp số 351CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 13/11/2018 được ký giữa ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị D với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt N – Chi nhánh Tiền G mà các bên đã giao kết để đảm bảo cho số tiền vay của ông Võ Văn M. Phía ông M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 13/4/2022 mặc dù ngân hàng nhiều lần nhắc nhở. Nay ngân hàng yêu cầu ông M phải trả số tiền nợ theo số tiền nợ 822.535.216 đồng, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 18098/2018- HĐCV/NHCT760-VVM xác lập ngày 03/7/2018 và giấy

nhận nợ số CIF: 2200268896 ngày 03/7/2018 trong đó số tiền nợ vay gốc là 715.850.000 đồng, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng là 106.685.216 đồng (lãi tính đến ngày 10/5/2023) và số tiền nợ 2.377.285.955 đồng, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 211CN/2021-HĐCVHM/NHCT760 xác lập ngày 31/8/2021, giấy nhận nợ số 02 ngày 15/10/2021, giấy nhận nợ số 03 ngày 21/01/2022, giấy nhận nợ số 04 ngày 09/03/2022 trong đó số tiền nợ vay gốc là 2.088.489.196 đồng, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng là 288.796.759 đồng (lãi tính đến ngày 10/5/2023). Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi của 02 hợp đồng là 3.119.821.171 đồng. Yêu cầu trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi suất trên phần nợ gốc theo hợp đồng các bên giao kết cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ. Trường hợp ông M không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý toàn bộ các phần tài sản mà ông M cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp nêu trên để đảm bảo thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Còn phía bị đơn ông Võ Văn M không đồng ý trả cho ngân hàng số tiền nợ theo hợp đồng số 18098/2018- HĐCV/NHCT760-VVM xác lập ngày 03/7/2018 và giấy nhận nợ số CIF: 2200268896 ngày 03/7/2018 do ông đã trả cho ông Th, bà B rồi. Đối với hợp đồng tín dụng số 211CN/2021-HĐCVHM/NHCT760 xác lập ngày 31/8/2021, giấy nhận nợ số 02 ngày 15/10/2021, giấy nhận nợ số 03 ngày 21/01/2022, giấy nhận nợ số 04 ngày 09/03/2022 thì ông đồng ý trả nhưng ông xin trả dần cho Ngân hàng mỗi tháng 50.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nêu trên của hợp đồng này.

Còn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch và chị Võ Thị D thống nhất theo ý kiến trình bày của ông Võ Văn M.

Còn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Mỹ D; Võ Hoàng G; Võ Ngọc Huyền V, Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng các ông bà vắng mặt không có lý do và không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện của phía ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, phía ngân hàng có cung cấp cho Tòa án các hợp đồng tín dụng số 18098/2018- HĐCV/NHCT760-VVM xác lập ngày 03/7/2018 và giấy nhận nợ số CIF: 2200268896 ngày 03/7/2018 và hợp đồng tín dụng số 211CN/2021-HĐCVHM/NHCT760 xác lập ngày 31/8/2021, giấy nhận nợ số 02 ngày 15/10/2021, giấy nhận nợ số 03 ngày 21/01/2022, giấy nhận nợ số 04 ngày 09/03/2022 xác lập giữa ngân hàng và ông M, cụ thể số tiền nợ vay của hợp đồng tín dụng số 18098/2018- HĐCV/NHCT760-VVM xác lập ngày 03/7/2018 và giấy nhận nợ số CIF: 2200268896 ngày 03/7/2018 số tiền nợ tổng cộng là 822.535.216 đồng và số tiền nợ vay của hợp đồng tín dụng số 211CN/2021-HĐCVHM/NHCT760 xác lập ngày 31/8/2021, giấy nhận nợ số 02 ngày 15/10/2021, giấy nhận nợ số 03 ngày 21/01/2022, giấy nhận nợ số 04 ngày 09/03/2022 số tiền vay nợ tổng cộng là 2.377.285.955 đồng. Bị đơn ông M thừa nhận có tham gia ký kết các hợp đồng vay tiền nêu trên với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương V N nhưng ông không đồng ý trả số tiền nợ vay là tổng cộng là 822.535.216 đồng theo hợp đồng tín dụng số 18098/2018- HĐCV/NHCT760-VVM xác lập ngày 03/7/2018 và giấy nhận nợ số CIF: 2200268896 ngày 03/7/2018 là chưa phù hợp theo quy định của pháp luật vì

ông cũng thừa nhận là đã nhận đủ tiền vay theo hợp đồng mà ông đã giao kết với ngân hàng mà ông M không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên ý kiến của ông không đồng ý trả số nợ vay nêu trên cho nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, ông M trình bày không đồng ý trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên là do ông đã trả thay cho ông Th, bà B số vay này là không có cơ sở. Vì trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp các tài liệu chứng cứ tại bút lục số 139 và bút lục số 140 xác định anh Th đã trả hết tất cả các khoản tại Ngân hàng và hợp đồng tín dụng số 18098/2018- HĐCV/NHCT760-VVM xác lập ngày 03/7/2018 được xác lập và thực hiện sau khi anh Thanh đã trả nợ xong cho Ngân hàng. Đối với hợp đồng tín dụng số 211CN/2021-HĐCVHM/NHCT760 xác lập ngày 31/8/2021, giấy nhận nợ số 02 ngày 15/10/2021, giấy nhận nợ số 03 ngày 21/01/2022, giấy nhận nợ số 04 ngày 09/03/2022 được xác lập giữa ông và ngân hàng thì bản thân ông thừa nhận ông có ký kết hợp đồng tín dụng và còn nợ lại Ngân hàng với số tiền nợ vay tổng cộng là 2.377.285.955 đồng, đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 50.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ của hợp đồng này. Việc xin trả dần của ông M thì không được sự đồng ý của nguyên đơn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch thống nhất theo phần trình bày của ông M nên không có cơ sở như nhận định của Hội đồng xét xử đã phân tích nêu trên.

Nay phía Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam yêu cầu phía ông M phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ của 02 hợp đồng tổng cộng là trong đó cụ thể các hợp đồng như sau: số tiền nợ vay là 822.535.216 đồng, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 18098/2018- HĐCV/NHCT760-VVM xác lập ngày 03/7/2018 và giấy nhận nợ số CIF: 2200268896 ngày 03/7/2018 trong đó số tiền nợ vay gốc là 715.850.000 đồng, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng là 106.685.216 đồng (lãi tính đến ngày 10/5/2023) và số tiền nợ vay là 2.377.285.955 đồng, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 211CN/2021-HĐCVHM/NHCT760 xác lập ngày 31/8/2021, giấy nhận nợ số 02 ngày 15/10/2021, giấy nhận nợ số 03 ngày 21/01/2022, giấy nhận nợ số 04 ngày 09/03/2022 trong đó số tiền nợ vay gốc là 2.088.489.196 đồng, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng là 288.796.759 đồng (lãi tính đến ngày 10/5/2023). Tổng cộng số tiền nợ của 02 hợp đồng là 3.199.821.171 đồng. Yêu cầu trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi suất trên phần nợ gốc theo hợp đồng các bên giao kết cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ. Trường hợp ông M không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý toàn bộ các phần tài sản mà ông M cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp nêu trên để đảm bảo thu hồi nợ theo quy định pháp luật là có căn cứ, phù hợp theo các tài liệu, chứng cứ do ngân hàng cung cấp.

Phía những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng thông báo về việc nguyên đơn khởi kiện nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do và không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện xem như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét yêu cầu khởi kiện của phía ngân hàng như phân tích nêu trên là có căn cứ, phù hợp theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án được ghi theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp số 015CN-B/HĐTC/NHCT760 ngày 17/01/2018 và được ký giữa hộ ông Võ Văn M với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh T G; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 015CN-C/2018-HĐBĐ/NHCT760 ngày 20/8/2018 được ký giữa ông Võ Hoàng G, bà Võ Ngọc Huyền V với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt N – Chi nhánh Tiền G; Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số 18098/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 03/7/2018 được ký giữa ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Ch với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang; Hợp đồng thế chấp số 108CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 04/10/2018 được ký giữa ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Ch với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền G; Hợp đồng thế chấp số 351CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 13/11/2018 được ký giữa ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị D với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh T G đã được Văn phòng công chứng số 01 chứng thực trong giai đoạn thi hành án theo quy định pháp luật để thu hồi nợ nếu đến hạn trả tiền mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

[6] Về án phí: ông M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, 35, 92, 227, 228, 266, 267 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 306 của Luật Thương mại; Điều 295; 299; 301 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương V N.

1. Buộc ông Võ Văn M phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương V N số tiền nợ tổng cộng là 822.535.216 đồng theo hợp đồng tín dụng số 18098/2018- HĐCV/NHCT760-VVM xác lập ngày 03/7/2018 và giấy nhận nợ số CIF: 2200268896 ngày 03/7/2018, trong đó số tiền nợ vay gốc 715.850.000 đồng, nợ lãi phát sinh trên số tiền nợ vay gốc là 106.685.216 đồng (lãi suất tính đến ngày 10/5/2023).

Đồng thời ông Võ Văn M phải tiếp tục trả phần tiền lãi suất phát sinh trên phần nợ theo mức lãi suất mà các bên đã ký kết tại hợp đồng tín dụng số 18098/2018-HĐCV/NHCT760-VVM xác lập ngày 03/7/2018 và giấy nhận nợ số CIF: 2200268896 ngày 03/7/2018 cho đến khi quyết toán xong nợ, lãi tính từ ngày 11/5/2023.

2. Buộc ông Võ Văn M phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt N số tiền nợ tổng cộng là 2.377.285.955 đồng theo hợp đồng tín dụng số 211CN/2021-HĐCVHM/NHCT760 xác lập ngày 31/8/2021, giấy nhận nợ số 02 ngày 15/10/2021, giấy nhận nợ số 03 ngày 21/01/2022, giấy nhận nợ số 04 ngày 09/03/2022, trong đó số tiền nợ vay gốc là 2.088.489.196 đồng, nợ lãi phát sinh trên số tiền nợ vay gốc là 288.796.759 đồng (lãi suất tính đến ngày 10/5/2023).

Đồng thời ông Võ Văn M phải tiếp tục trả phần tiền lãi suất phát sinh trên phần nợ theo mức lãi suất mà các bên đã ký kết tại hợp đồng tín dụng số 211CN/2021-HĐCVHM/NHCT760 xác lập ngày 31/8/2021, giấy nhận nợ số 02 ngày 15/10/2021, giấy nhận nợ số 03 ngày 21/01/2022, giấy nhận nợ số 04 ngày 09/03/2022 cho đến khi quyết toán xong nợ, lãi tính từ ngày 11/5/2023.

Trường hợp ông M không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý các phần tài sản mà ông M và các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ch, Võ Thị D; Võ Thị Mỹ D; Võ Hoàng G; Võ Ngọc Huyền V, Nguyễn Văn L đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp gồm hợp đồng thế chấp tài sản số 015CN-B/HĐTC/NHCT760 ngày 17/01/2018 và được ký giữa hộ ông Võ Văn M với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương V N – Chi nhánh Tiền Giang; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 015CN-C/2018-HĐBĐ/NHCT760 ngày 20/8/2018 được ký giữa ông Võ Hoàng G, bà Võ Ngọc Huyền V với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt N – Chi nhánh Tiền G; Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số 18098/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 03/7/2018 được ký giữa ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Ch với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt N – Chi nhánh Tiền Giang; Hợp đồng thế chấp số 108CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 04/10/2018 được ký giữa ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị C với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt N – Chi nhánh Tiền Giang; Hợp đồng thế chấp số 351CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 13/11/2018 được ký giữa ông Nguyễn Văn L và bà Võ Thị D với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền G để đảm bảo thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Về án phí: Ông Võ Văn M phải chịu 95.996.423 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương V N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.497.640 đồng theo biên lai thu số 0010232 ngày 01/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ÂU THỊ THẢO

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 10 tháng 5 năm 2023

Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Âu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **TRẦN VĂN NHU**

+ Ông **LÝ MINH HÙNG**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 09/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 giữa:

**1. Nguyên đơn: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG
THƯƠNG VIỆT NAM**

Địa chỉ trụ sở chính: 108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông **Trần Minh Bình** – Chủ tịch Hội đồng quản trị VietinBank

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh Bình là:

- Ông **Lê Việt Tiến**, sinh năm 1976. Chức vụ: Phó Giám đốc VietinBank Chi nhánh Tiền Giang, theo văn bản ủy quyền số 1401/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị VietinBank (vắng mặt)

Địa chỉ: số 15B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

- Bà **Nguyễn Thị Hương Lan**, sinh năm 1978. Chức vụ: Phó phòng bán lẻ - NHCT Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang (có mặt)

- Ông **Đỗ Hồng Thái**. Chức vụ: Phó trưởng Văn phòng đại diện NHCT Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh (vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Minh Nhật Phụng**. Chức vụ: Chuyên viên pháp chế - Văn phòng đại diện NHCT Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **VÕ VĂN MUM, sinh năm 1967 (có mặt)**

Địa chỉ: ấp 2, xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

NGUYỄN THỊ CHÍ, sinh năm 1958 (vắng mặt)

VÕ THỊ MỸ DUNG, sinh năm 1987 (vắng mặt)

VÕ HOÀNG GIANG, sinh năm 1989 (vắng mặt)

VÕ NGỌC HUYỀN VI, sinh năm 1993 (vắng mặt)

VÕ THỊ DIỄM, sinh năm 1991 (vắng mặt)

NGUYỄN VĂN LÂM, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào Điều 30, 35, 92, 227, 228, 266, 267 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 306 của Luật Thương mại; Điều 295; 299; 301 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam.

1. Buộc ông Võ Văn Mụm phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam số tiền nợ tổng cộng là 822.535.216 đồng theo hợp đồng tín dụng số 18098/2018- HĐCV/NHCT760-VVM xác lập ngày 03/7/2018 và giấy nhận nợ số CIF: 2200268896 ngày 03/7/2018, trong đó số tiền nợ vay gốc 715.850.000 đồng, nợ lãi phát sinh trên số tiền nợ vay gốc là 106.685.216 đồng (lãi suất tính đến ngày 10/5/2023).

Đồng thời ông Võ Văn Mụm phải tiếp tục trả phần tiền lãi suất phát sinh trên phần nợ theo mức lãi suất mà các bên đã ký kết tại hợp đồng tín dụng số 18098/2018- HĐCV/NHCT760-VVM xác lập ngày 03/7/2018 và giấy nhận nợ số CIF: 2200268896 ngày 03/7/2018 cho đến khi quyết toán xong nợ, lãi tính từ ngày 11/5/2023.

2. Buộc ông Võ Văn Mụm phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam số tiền nợ tổng cộng là 2.377.285.955 đồng theo hợp đồng tín dụng số 211CN/2021-HĐCVHM/NHCT760 xác lập ngày 31/8/2021, giấy nhận nợ số 02 ngày 15/10/2021, giấy nhận nợ số 03 ngày 21/01/2022, giấy nhận nợ số 04 ngày 09/03/2022, trong đó số tiền nợ vay gốc là 2.088.489.196 đồng, nợ lãi phát sinh trên số tiền nợ vay gốc là 288.796.759 đồng (lãi suất tính đến ngày 10/5/2023).

Đồng thời ông Võ Văn Mụm phải tiếp tục trả phần tiền lãi suất phát sinh trên phần nợ theo mức lãi suất mà các bên đã ký kết tại hợp đồng tín dụng số 211CN/2021-HĐCVHM/NHCT760 xác lập ngày 31/8/2021, giấy nhận nợ số 02 ngày 15/10/2021, giấy nhận nợ số 03 ngày 21/01/2022, giấy nhận nợ số 04 ngày 09/03/2022 cho đến khi quyết toán xong nợ, lãi tính từ ngày 11/5/2023.

Trường hợp ông Mụm không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý các phần tài sản mà ông và các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Chia, Võ Thị Diễm; Võ Thị Mỹ Dung; Võ Hoàng Giang; Võ Ngọc Huyền Vi, Nguyễn Văn Lâm đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp gồm hợp đồng thế chấp tài sản số 015CN-B/HĐTC/NHCT760 ngày 17/01/2018 và được ký giữa hộ ông Võ Văn Mụm với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 015CN-C/2018-HĐBĐ/NHCT760

ngày 20/8/2018 được ký giữa ông Võ Hoàng Giang, bà Võ Ngọc Huyền Vi với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang; Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số 18098/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 03/7/2018 được ký giữa ông Võ Văn Mum và bà Nguyễn Thị Chia với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang; Hợp đồng thế chấp số 180CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 04/10/2018 được ký giữa ông Võ Văn Mum và bà Nguyễn Thị Chia với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang; Hợp đồng thế chấp số 351CT/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 13/11/2018 được ký giữa ông Nguyễn Văn Lâm và bà Võ Thị Diễm với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang để đảm bảo thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Về án phí: Ông Võ Văn Mum phải chịu 95.996.423 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.497.640 đồng theo biên lai thu số 0010232 ngày 01/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi....giờ....phút, ngày 10 tháng 5 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA